

Số TN: 0250/KBTN/2026/1311/NTH/MTX-KQ/HN319/2393

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa
2. Cơ sở được lấy mẫu : Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa
3. Địa chỉ : Số 37 Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước sạch
5. Ký hiệu mẫu : NS1; NS2
6. Ngày lấy mẫu : 07/04/2026



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NS1	NS2	QCVN 01-1: 2024/BYT
1	Coliform	Vi khuẩn /100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	<1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	Vi khuẩn /100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	<1
3	Màu sắc ^(v)	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOQ=15)	KPH (LOQ=15)	15
4	Mùi vị	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	Không mùi	Không có mùi, vị lạ
5	pH ^(v)	-	TCVN 6492:2011	7,2	7,3	6,0-8,5
6	Độ đục ^(v)	NTU	MTX.QTMT.N-07: 2023	0	0	2
7	Arsenic (As) ^(v)	mg/L	SMEWW 3114B: 2023	KPH (LOQ = 0,006)	KPH (LOQ = 0,006)	0,01
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012	KPH (LOQ=0,09)	KPH (LOQ=0,09)	0,2-1,0
9	Chỉ số pecmanganat ^(v)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOQ=0,9)	KPH (LOQ=0,9)	2
10	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(v)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,28	0,11	1
11	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)*	CFU/ 100mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	KPH (LOD = 1)	KPH (LOD = 1)	<1

Ghi chú:

- NS1 (HN319.26T4CB.NS1): Nước tại bể chứa - công số 1; NS2 (HN319.26T4CB.NS2): Nước tại vòi - công số 1.
(*): Được phân tích bởi thủ phụ; (v): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0251/KBTN/2026/1312/NTH/MTX-KQ/HN319/2393

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa
2. Cơ sở được lấy mẫu : Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa
3. Địa chỉ : Số 37 Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước sạch
5. Ký hiệu mẫu : NS3; NS4
6. Ngày lấy mẫu : 07/04/2026



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NS3	NS4	QCVN 01-1: 2024/BYT
1	Coliform	Vi khuẩn /100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	<1
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	Vi khuẩn /100 mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	<1
3	Màu sắc ^(v)	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOQ=15)	KPH (LOQ=15)	15
4	Mùi vị	-	Phương pháp cảm quan	Không mùi	Không mùi	Không có mùi, vị lạ
5	pH ^(v)	-	TCVN 6492:2011	7,1	7,3	6,0-8,5
6	Độ đục ^(v)	NTU	MTX.QTMT.N-07: 2023	0	0	2
7	Arsenic (As) ^(v)	mg/L	SMEWW 3114B: 2023	KPH (LOQ = 0,006)	KPH (LOQ = 0,006)	0,01
8	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-1:2012	KPH (LOQ=0,09)	KPH (LOQ=0,09)	0,2-1,0
9	Chỉ số pecmanganat ^(v)	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH (LOQ=0,9)	KPH (LOQ=0,9)	2
10	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(v)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOQ=0,03)	KPH (LOQ=0,03)	1
11	Trực khuẩn mũ xanh (Ps. Aeruginosa)*	CFU/ 100mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	KPH (LOD = 1)	KPH (LOD = 1)	<1

Ghi chú:

- NS3 (HN319.26T4CB.NS3): Nước tại bể chứa - công số 2; NS4 (HN319.26T4CB.NS4): Nước tại vòi - công số 2.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (v): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 7 tháng 5 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã kỹ: 6177*26T4CB

Mã KH: HN319

STT kỹ: 2393

I. Tên khách hàng: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa

Cơ sở lấy mẫu: Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - CuBa

Địa chỉ quan trắc: Số 37 Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

1. Đại diện: Lê Văn Viên Chức vụ: P.T.P Hành chính quản trị

2. Đại diện: Nguyễn Thị Khánh Ly Chức vụ: C.V H.C.Q.T

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Trần Lương Hiếu Chức vụ: NGQT

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Cơ sở đang hoạt động

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Nước tại bể chứa - công số 1	HN319.26T4CB.NS1	N: 21° 1' 28,3" E: 105° 51' 1,4"	
2	Nước tại vòi - công số 1	HN319.26T4CB.NS2	N: 21° 1' 28,5" E: 105° 51' 1,1"	
3	Nước tại bể chứa - công số 2	HN319.26T4CB.NS3	N: 21° 1' 29,0" E: 105° 50' 59,7"	
4	Nước tại vòi - công số 2	HN319.26T4CB.NS4	N: 21° 1' 29,3" E: 105° 50' 59,8"	

